**Tiết 2. Toán**

**T 42. LÍT**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- HS nhận biết, cảm nhận về dung tích (so sánh lượng nước chứa trong đồ vật), về biểu tượng đơn vị đo lít.

- Biết đọc, viết đơn vị đo lít.

**2. Năng lực:**

- Phát triển năng lực tính toán.

**3. Phẩm chất:**

- Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Giáo án điện tử, bình, cốc, chai, ca 1l

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạ**t động mở đầu: ( 3- 5’)1. Khởi động: (2-3’)- Trò chơi: Hái hoa tặng cô : 12 kg + 23 kg; 13 kg – 8 kg2. Kết nối: (1-2’)- Giới thiệu bài, ghi tên bài**B. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (11-13’) Khám phá:****\*** GV cho HS quan sát bình, cốc thật như tranh phần a sgk/tr.62:+So sánh hình dáng bình và cốc như thế nào?+ Cái nào đựng được nhiều nước hơn? Cái nào đựng được ít nước hơn?- Vậy dung tích của cái bình sẽ đựng được nhiều hơn, dung tích của cốc đựng được ít hơn.\* Cho HS quan sát tiếp như tranh phần a sgk/tr.62:+ Lượng nước ở bình rót hết ra được mấy cốc?- Vậy lượng nước trong bình bằng lượng nước ở 4 cốc.- Cho HS thực hành rót nước từ bình sang cốc và nêu: Lượng nước ở bình rót hết ra được mấy cốc?\* Cho HS quan sát tiếp ca, chai 1l như tranh phần b sgk/tr.62:- Đây là ca 1 lít và chai 1 lít.- Nếu ca và chai này chứa đầy nước, ta có lượng nước trong chai, ca là 1 lít.- Giới thiệu đây chính là đơn vị đo lít, viết tắt là l. – Lít là 1 đơn vị đo dung tích.- GV lấy ví dụ: Cô lấy nước rót đầy 2 ca 1 lít. Vậy cô có mấy lít?- GVYC HS đọc thầm, đọc to phần khám phá**C. Hoạt động luyện tập, thực hành: (12-14’)****Bài 1:** KT: Nhận biết về đơn vị đo lít, nhiều hơn, ít hơn 1l- YC HS đọc thầm bài.- Bài yêu cầu làm gì?- Cho HS quan sát tiếp tranh sgk/tr.63: Hãy so sánh lượng nước 1l ở ca 1l với lượng nước ở chai rồi lựa chọn câu trả lời đúng.- GV YC HS làm bài cá nhân sau đó chưa bài bằng cách giơ đáp án.- Tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.Chốt: Cách nhận biết về đơn vị đo lít, nhiều hơn, ít hơn 1l cách quan sát, so sánh.**Bài 2:** KT: Đọc số kèm đơn vị lít.- YC HS đọc thầm bài.- Bài yêu cầu làm gì?- Cho HS quan sát tiếp tranh sgk/tr.63:- Hãy đọc các đơn vị đo có trong mỗi hình.- GV YC HS viết số- GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn.- Khi viết số cần lưu ý gì?Chốt: Cách đọc, viết số kèm đơn vị lít.**Bài 3:** KT: So sánh, nhận biết lượng nước nhiều hơn, ít hơn- YC HS đọc thầm bài.- Bài yêu cầu làm gì?- Cho HS quan sát tiếp tranh sgk/tr.63:- GV YC HS làm bài.- Làm phần a dựa vào đâu?- Chữa bài phần b: Soi bài, đọc bài làmBài toán thuộc dạng toán gì?Chốt: Cách nhận biết về đơn vị đo lít, nhiều hơn, ít hơn.**D. Hoạt động củng cố, dặn dò: (2-3’)**- Hôm nay em biết đực những gì? - Nhận xét giờ học. | - HS viết ĐA vào BC - HS nhắc lại**-** 2-3 HS trả lời.+ Cái bình to hơn cái cốc.+ Bình đựng nhiều nước hơn cốc, cốc đựng ít nước hơn bình.- HS lấy thêm ví dụ và chia sẻ.- Được 4 cốc.- HS lắng nghe, nhắc lại.- HS nêu- 2 -3 HS đọc.- HS quan sát.- 1-2 HS trả lời.- HS nêu.- 2 lít.- HS đọc phần khám phá- HS đọc thầm.- 1-2 HS trả lời.- HS quan sát.- HS làm bài - HS chia sẻ: Đáp án B đúng. Vì 1l chứa đầy 1 chai và 1 cốc nên chai chứa ít hơn 1l nước.- HS đọc thầm.- 1-2 HS trả lời.- HS làm bài vào nháp: 10l, 3l, 2l, 5l, 20l.- HS đọc: mười lít, ba lít, hai lít, năm lít, hai mươi lít.- HS đọc thầm.- 1-2 HS trả lời.- HS làm bài vào vở1. HS viết: Lượng nước ở bình A là 4 cốc. Lượng nước ở bình B là 6 cốc

- Quan sát hình vẽ.b) HS so sánh bằng cách nhẩm điền số vào ô trống hoặc giải bài toán có lời văn dạng hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?Bài giảiLượng nước ở bình B nhiều hơn lượng nước ở bình A là:6 – 4 = 2 (cốc) Đáp số: 2 cốc- HS chia sẻ |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_